



Thầy Cùi Có Linh Thiêng...

Võ Ý, K17

Khóa 17 nhập trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tháng 11 năm 1960, trước K18 một năm. Hai năm sau, năm 1962, Khóa 19 nhập trường. Vào lúc này (1960-1963), Quân trường gồm 5 khóa là:

- Khóa 15 (64 SVSQ (Sinh Viên Sĩ Quan) - Tốt nghiệp 55 Th/U, 2 Ch/U).

- Khóa 16 (326 SVSQ - Tốt nghiệp 226 Th/U, 52 về Đồn Đệ Nha Trang).

- Khóa 17 (210 SVSQ - Tốt nghiệp 179 Th/U, 10 Ch/U).

- Khóa 18 (201 SVSQ - Tốt nghiệp 191 Th/U).

- Khóa 19 (412 SVSQ - Tốt nghiệp 391 Th/U).

Vị chỉ huy trưởng bấy giờ là Trung Tá Trần Ngọc Huyền (xuất thân Khóa 2, Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức**, binh chủng Pháo Binh).

K17 nhập trường sau cuộc binh biến đầu tháng 11/1960 do một số sĩ quan nhảy dù khởi xướng. Thiếu Tướng Lê Văn Kim bị nghi ngờ có can dự đến sự kiện nên buộc phải bàn giao chức

vụ Chỉ Huy Trường cho Trung Tá Trần Ngọc Huyền, Chỉ Huy Phó kiêm Văn Hóa Vụ Trường. (Trung Tá Huyền tốt nghiệp cử nhân văn chương Pháp, Đại Học Văn Khoa Saigon.)

Tân Chỉ Huy Trường chấn chỉnh ngay chương trình huấn luyện bằng cách đệ trình thượng cấp (qua Bộ Giáo Dục và Bộ Quốc Phòng) công nhận văn bằng tốt nghiệp thiếu úy hiện dịch của Trường Võ Bị Quốc Gia, (chương trình 4 năm) tương đương trình độ văn hóa năm thứ hai Cử nhân Toán Lý Hóa.

Ông mở thêm môn “Khoa Học Lãnh Đạo” (1), do chính ông phụ trách để truyền đạt cho các sinh viên sĩ quan nghệ thuật Lãnh Đạo Chỉ Huy. Nội dung của môn học này có vẻ đơn giản nhưng vô cùng thiết thực cho cấp chỉ huy khi đối diện với đời sống cụ thể tại đơn vị cũng như trên chiến trường.

Ông áp dụng phương pháp của Socrate (1) (dạy cho người nô lệ xưa) là không thuyết giảng dài dòng, chỉ nêu những câu hỏi, gợi ra câu trả lời do sự suy luận đơn giản. Vì vậy, SVSQ không phải buồn ngủ hoặc nhàm chán khi nghe thuyết giảng trừu tượng và dài dòng. Thay vào đó, mỗi người được phát một tờ giấy quay ronéo tóm tắt vài trường hợp thường xảy ra trong đơn vị, liên hệ với đủ hạng người, từ thượng cấp “đại úy cà dẹt”, đồng cấp “trung úy lấu cá”, “thiếu úy nịnh bợ” đến thuộc cấp “thượng sĩ bướng” vì có 17 năm công vụ; “trung sĩ lý” vừa chậm, lại vừa khó bảo...

Lớp học chia thành toán, từ 8 đến 10 người, cùng thảo luận và tìm biện pháp giải quyết một cách hữu lý những vấn đề do “nhân vật” trong giấy gây ra, mà SVSQ là đơn vị trưởng tương lai, phải giải quyết!

Thông thường, giữa sinh viên và chỉ huy trưởng quân trường, có khoảng cách rất xa. Trong giờ lãnh đạo chỉ huy, mọi người ngang hàng, chỉ hơn nhau trong *lý luận hợp lý, sâu sắc và chín chắn*. Từ thái độ e dè của thuộc cấp, sinh viên dần dần nhận thấy chỉ huy trưởng của họ thành thật và suy luận sắc bén, nên chấp nhận là “Thầy” (hơn là Chỉ Huy Trường).

Qua cách truyền đạt này, cũng là lúc Thầy đặt họ trước tình thế của đất nước, đưa thí dụ người hiền hòa đang làm vườn, bị láng giềng kéo côn đồ phá rào, sang nhà mình đe dọa, đốt phá cả nơi thờ phượng tổ tiên ông bà, thì thử hỏi chui xuống hầm, chạy trốn, quỳ lạy tha chết hay gọi vợ con, anh em **hợp lực** đánh đuổi kẻ kia về. Suy luận rồi thảo luận, sinh viên tự tìm lấy câu trả lời duy nhất là “quyết chống lại” tên hàng xóm tham lam.

Cũng từ đó, Thầy Huyền truyền bá “Triết Lý Nhân Sinh” (1) của mình cho đám học trò thân yêu và nhận họ cùng một giống với mình, “giống cùi”!

Danh từ “Cùi” dùng để gọi các SVSQ, được truyền tụng trong quân trường (và sau này ngoài đơn vị) từ ngày Trung Tá Trần Ngọc Huyền đảm nhận trách nhiệm Chỉ Huy Trường, vào khoảng cuối năm 1960.

Ngày nay, tại hải ngoại, danh từ “Cùi” vẫn được nhắc lại đầu đó, từ trong nội bộ cựu SVSQ Võ Bị Quốc gia Việt Nam (VBQG/VN) cho đến tập thể người Việt tị nạn Cộng Sản và các hội đoàn, tổ chức khác!

Trong thời chiến, danh từ cùi biến thành “mặt khẩu” cho các đồng môn Võ Bị Đà Lạt nhận nhau chỗ đông người, nơi xa lạ, tại đơn vị hay trên chiến trường, nhờ vào mẫu số chung “Cùi” của họ, dù bất cứ thời khắc nào. Danh từ xấu xa được biến thành “quý danh” (1), riêng cho một tập thể có những đặc tính khác người.

Xin nêu 5 đặc tính khác người đó là: (2)

1- Không làm điều trái lẽ phải, vô lý, bất công (mặc dầu có nhiều người làm). Và vì chỉ một mình, mình không làm mà bị thù ghét, hãm hại, ruồng rẫy, nên tự xem mình là “cùi hủi”.

2- Không thương đội, hạ đạp! Làm việc vì bổn phận, trách nhiệm, lẽ phải và lòng tự trọng; chứ không phải sợ bị phạt, hoặc làm cho giỏi để được thưởng.

3- Khi làm lỗi, thẳng thắn nhận lỗi. Nếu cần, chịu phạt thay cấp dưới!

4- Quan tâm thuộc cấp. Không lợi dụng khai thác thuộc cấp để làm lợi cho mình.

5- Thà chịu người ghét, không làm điều cần quấy để người khinh!

Các đặc tính trên đây phản ánh “cá tính” đặc biệt của vị thầy “cao ngạo”, cũng là vị Chỉ Huy Trưởng tài hoa và lẫm liệt của Trường VBQG/VN (1960-1964), cố Đại Tá Trần Ngọc Huyền!

Năm điều cốt lõi phản ánh “triết lý nhân sinh” cũng là 5 điều *tâm niệm* của “môn phái cùi” và họ thật sự hãnh diện khi gọi “chương môn nhân” của mình là... “Thầy Cùi”! Tự hạ mình thành cùi mà thâm tâm vẫn “cao ngạo”. Không phải cao ngạo lếu láo, khinh chê bừa bãi mà tự mình mình biết, có những kẻ được cho là quyền cao chức trọng, nhưng lại thuộc loại ích kỷ ty tiện, nên môn phái cùi lộ vẻ lịch thiệp bên ngoài mà bên trong lại ngầm... khinh bỉ! Cái cao ngạo hầu như “bệnh hoạn” của cùi là chỗ đó và sẵn sàng nhận hậu quả về thái độ ấy, vì họ đã chuẩn bị tâm tư, *dám làm dám chịu!*

Cũng cần biết một giai thoại vô cùng kỳ cục mà “thầy cùi” là tác giả trong **giờ khám phòng SVSQ** thuộc Lữ đoàn Pháo binh (K2, Thủ Đức – 10/1952). (Cũng có thể qua giai thoại này mà “thầy cùi” áp dụng danh từ “cùi” cho đám học trò sau này của mình chăng?)

Số là, trung úy Ladonne (xuất thân trường Võ Bị Saint Cyr, Pháp), Sĩ Quan Cán Bộ Lữ Đoàn SVSQ Pháo Binh, nhìn lên cánh tử của SVSQ Trần Ngọc Huyền, mở mắt to ngạc nhiên, hắt hàm hỏi:

- Cái gì kỳ cục vậy?

Trong thế nghiêm, ông trả lời:

- Hình lỏa thể toàn diện nhìn để quên đời.

- Tôi thấy hình rồi, nhưng tại sao có câu “Lespreux! n’y touchez pas?” (Giống cùi, chớ sờ vào!)

Trả lời:

- Vì giống lespreux (giống cùi) không hiểu nổi cái đẹp!

Trung úy lờ, bỏ đi. Vì nếu ông lấy tấm hình xuống sẽ tự thú mình là “lespreux” sao? Vì thế tấm hình lửa thể vẫn nằm tro trên cánh tù. (3)

Cho đến một hôm, thượng cấp (Thống chế Juin, Quân đội Pháp) viếng thăm quân trường (vào lúc này, 1952, người Pháp vẫn còn nắm giữ quân đội), Trung úy Ladonne, đang đêm, xuống phòng năn nỉ SVSQ Cùi Huyền:

- Cho em bé (*tấm hình lửa thể*) vào trong tù ngủ một đêm rồi sáng mai đem ra phơi! (3)

Từ một giáo sư Pháp văn, bị động viên vào Thủ Đức, học quân sự với huấn luyện viên Tây mà chưa chắc các vị này nói và hiểu tiếng Tây rành rẽ bằng SVSQ Cùi, nên SVSQ này “ngông” mà Tây vẫn nể nang là một điều... hiếm có!

Một giai thoại khác liên quan đến các điều tâm niệm 2, 3, 4 của môn phái cùi, là khi 52 SVSQ Khóa 16 (trên tổng số 326) bị loại vì không đủ điểm trung bình, do quyết định của Tổng Tham Mưu (TTM) ký và quân trường thi hành. Trước giờ lên tàu về quê, một SVSQ thiếu may mắn xin gặp thầy cùi. Sau khi nghe được sự bất công mà anh X là nạn nhân của 8 tuần sơ khởi, thầy hứa sẽ điều tra và thầy cũng nói rõ là, vì TTM đã quyết định nên khó làm gì khác hơn ngoài việc sẽ dành một chỗ cho khóa tới. Anh X chảy nước mắt cho biết, anh là một trẻ mồ côi, được một ông sư ở Huế nuôi đi học, tưởng khi thành sĩ quan sẽ giúp lại mấy đứa mồ côi đang nuôi như anh. Anh không muốn sự bất công này hại thêm nhiều người nữa. Thầy cũng khóc theo và khuyên anh nên... hy vọng! (1).

Ngay sau đó, thầy cùi triệu tập hội đồng giáo sư, huấn luyện viên và cán bộ, yêu cầu điều tra lại hồ sơ này. Mọi người ngần

ra. Hầu hết các vị đều xác nhận anh này giỏi, xếp hạng 1 phân 3 trên cao. Chỉ có cán bộ trong hệ thống chỉ huy và kỷ luật mới phê điểm thấp tận cùng. Hỏi lý do, ngang ngược, khó bảo, vi phạm kỷ luật thường xuyên. Ý kiến của Hội đồng, trừ cán bộ kỷ luật, cho anh này trở lại.

Tối đấy, thầy thảo văn thư gửi Tổng Tham Mưu Trưởng, với bản sao kính trình Tổng Thống (Tổng Tư Lệnh), *tự mình nhận lỗi* vì thiếu kiểm soát, hại một sĩ quan tương lai, làm giảm uy



**Đại Tá Trần Ngọc Huyền,
Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN,
1960-1963**

danh Quân Đội vì đã có một quyết định bất công. Vì thế, xin thượng cấp giải nhiệm, trao quyền chỉ huy cho người khác, chuyển chuyên đi đơn vị tác chiến 3 năm trước khi cho giải ngũ. (Vì thầy cù xin giải ngũ nhiều lần từ trước!) Riêng đối với SVSQ X, xin thu lại quyết định sa thải, ban lệnh cho QĐI liên lạc với chùa Y tại Huế, cấp phương tiện cho anh ta trở lại trường kịp theo học giai đoạn 2 (K16) sắp khai giảng!

Bốn đêm sau, Đại tướng Tổng TMT gọi điện thoại báo tin là, đã lệnh cho QĐI thi hành những đề nghị về X. Rồi trong tiếng cười sảng khoái, ông thêm:

- “Mày xin giáng chức, xin phạt, mà tao lại được khen. Để khi nào về đây, tao kể cho mày nghe!” (1)

Trong tuần ấy, SVSQ X trở lại trường!

Nếu còn sống sót trên đời này, thiết nghĩ “cù X” thuộc K16, sẽ không thể nào quên được cuộc hồi sinh nhờ vào tinh thần trách nhiệm của cấp chỉ huy của mình là, *có lỗi thì nhận*

lỗi! Thiết nghĩ, tính can trường này hiển hiện trong câu châm ngôn của đoàn Sinh Viên Võ Bị Quốc Gia là, **Tự Thắng Để Chỉ Huy!**

Những cùì K16, K17, K18, K19 được “Thầy Cùì” truyền đạt bí kíp nhân sinh trong suốt những năm tháng được trui rèn tại quân trường. (Các cùì Khóa 15 sắp mãn khóa và cùì Khóa 20 mới nhập trường khoảng 4 tuần, vẫn được “ném” môn lãnh đạo chỉ huy đủ mùi vị cay đắng, ngọt bùi này!)

Qua môn học đó:

- Cùì tìm thấy lý do để chống Cộng,
- Cùì tìm thấy lý tưởng Quốc Gia dân tộc để phụng sự,
- Cùì nhắm thẳng quân thù và bóp cò với ý thức “Bảo Quốc An Dân” chứ không vì công hầu khanh tướng hay hiếu sát kiêu “thề phanh thây uống máu quân thù”!

Một thời gian ngắn sau khi các khóa này ra trường, ngôi Trường Mẹ vang dội chiến công lẫy lừng cũng như gương hy sinh anh dũng của các cùì như Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc, K16, Thủy Quân Lục Chiến, tại mặt trận Quảng Trị; Đặng Ngọc Khiết, K17, Biệt Kích nhảy Bắc bị tử hình; Võ Toàn, K17, trung đoàn trưởng mưu lược thuộc SĐ1 BB; Lê Huân, K18, SĐ1 BB, tử chiến Hạ Lào; Võ Thành Kháng, Thủ khoa K19, TQLC, hy sinh trận Bình Giã chỉ sau 2 tuần sau lễ tốt nghiệp; Châu Minh Kiến, K19, SĐ5 BB, can trường đờm lược tại mặt khu Hồ Bò năm 65, mặt khu Dương Minh Châu năm 68...

Rất nhiều cùì đã chọn cái chết oanh liệt trước hay trong ngày 30 tháng 4/1975, trên chiến trường, trong ngục tù, hay trên đường vượt thoát tìm tự do. Những niên trưởng như Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, K8, Tư lệnh Quân Đoàn II; Chuẩn Tướng Trần Văn Hai, K7, Tư lệnh Sư Đoàn 7BB, đều tuần tiết theo vận nước.

Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, K16, Trung Đoàn Trưởng 42/

SĐ22 BB... chọn cách ở lại với đồng đội để đồng sanh đồng tử...

Thiếu Tá Phan Ngọc Lương, K17, nổi dậy chống nhà cầm quyền CS ở Huế, bị tử hình;

Thiếu tá Trần Văn Bé, K19 và Thiếu tá Phạm Văn Tư, K19, vượt ngục CS (sau 30/04/75) không thành công, chấp nhận tròng đạn thù với ánh mắt cao ngạo!

....

Từ sau ngày đau thương đó, đàn con của Trường Mẹ chịu chung số phận với vận nước, tủi nhục và uất hận ngay trên quê hương mình. Một số vượt thoát ra hải ngoại và lòng vẫn nung nấu một ngày về. Nổi niềm đó đơm bông, kết trái thành những Hội Ái Hữu, Tổng Hội Cựu SVSQ/ VBQG/ VN, Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên, mà hãnh diện nhất là Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu...

Dẫu biết, *son hà cũng huyển*, nhưng chữ **không ngờ** vẫn nhói trong lòng của đa số “cùi”, bởi vì, tập thể này đang có dấu hiệu... *rạn nứt*, không phải do khác biệt lập trường quan điểm mà do bất đồng trong tổ chức sinh hoạt. Cụ thể là, sau Đại hội Tổng hội cựu SVSQ/VBQG/VN lần thứ 20 (2016), một số cựu SVSQ đề nghị hoãn in quyển “TVBQG, Theo Dòng Lịch Sử” vì cho rằng, còn nhiều điểm (ý tưởng và lời văn) không xứng tầm một quyển sử của một quân trường nổi tiếng. Một số khác phê phán *thiếu cân nhắc* các huynh đệ của mình, vì không đồng suy nghĩ hoặc phương cách làm việc!

Nếu tình trạng này không sớm tìm cách *hóa giải* thì quý huynh đệ *ăn làm sao, nói làm sao* với các *hậu duệ* của mình?

Đành bó tay sao?

Do tình cờ, hay do một lẽ huyền vi mà bỗng dưng có một chiến hữu Không Quân hỏi chúng tôi về ý nghĩa của chữ “cùi” thường dùng trong tập thể CSVSQ Đà Lạt, tôi giải thích qua sự hiểu biết của mình. Nhưng cũng từ giây phút đó, tôi nhớ về

Thầy Cùi của mình.

Ở nước Trời, nơi Cõi Vĩnh Hằng hoặc dưới Suối Vàng, Thầy nghĩ gì về sự rạn nứt này, Tổng Hội rồi sẽ ra sao và *môn phái cùi* sẽ bị phân hóa cho đến bao giờ?

Lúc còn sinh tiền, (khoảng 1980) tại Houston, một số niên trưởng Khóa 16 vẫn thường thăm viếng và tâm tình với Thầy. Qua đó, Thầy biết, trong nội bộ K16, khóa đầu đời được huấn luyện theo phương pháp do Thầy phác họa, cũng có... bất đồng! Thầy bèn viết “Lời Thách Đố Của Người Anh Cũ” (4) với ước mong hàn gắn những rạn nứt đó:

- *“Tôi muốn kể với các anh mẫu chuyện nhỏ trích trong một vở kịch của Corneille (Pháp, thế kỷ 17): Vua Auguste giết cha của Cinna. Cinna căm thù, kết tập bè đảng phản vua. Vua biết chuyện và bắt trọn cả đám. Lĩnh giải Cinna bị trói, bắt quỳ trước mặt vua để nhận tội. Vua từ trên ngai bước xuống, cởi trói cho Cinna, đưa hai tay ra trước, nói: “Soyons amis, Cinna!” (Chúng ta hãy là đôi bạn, Cinna!)*

Nay, đem Lời Thách Đố (dành riêng cho K16) áp dụng vào hiện tình của cả Tổng Hội, sẽ là một điều... câu âu. Bởi vì, trong tập thể chúng ta, không có ai là vua August, không có ai là Cinna cả, mà chỉ có môn phái cùi, được đào tạo tại lò Lâm Viên, cùng **chung một lý tưởng Quốc Gia Dân Tộc, một màu cờ thiêng liêng, Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ, và một ước vọng hiện nay.**

Qua ước vọng, người cựu SVSQ nào đó được tập thể tín nhiệm, bầu vào trách vụ này trách vụ kia, không phải là vua. Người hội viên (của Hội, của Tổng Hội), cùng kề vai chia sẻ trách nhiệm để mong đạt được **mục tiêu chung** do tổng hội đề ra, cũng không phải là Cinna kết bè kết đảng để chống phá...

Kính thưa Thầy Cùi,

Thầy ra đi, để lại cho miền Nam nói chung và môn phái cùi nói riêng, một di sản có giá trị dài lâu.

- Nhờ vào tài trí, nhân danh chính phủ Việt Nam non trẻ, Thầy đã “deal” với chính phủ Pháp để “mua” lại Dinh Độc Lập với giá một đồng danh dự! (*). Cũng chính nhờ vào sự khôn khéo mà Thầy loại dần ảnh hưởng của sĩ quan Pháp ra khỏi Quân Đội VNCH lúc ban đầu (1953) (*). Sáng tạo chương trình “Tiếng Nói Dạ Lan” (5), quả là một liều thuốc bổ đã nâng cao tinh thần chiến đấu của người lính chiến Cộng Hòa sau cuộc biến động tháng 11/1963:

“Tiếng nói của em gái hậu phương gửi các anh trai tiền tuyến, các chiến sĩ can trường trên mọi nẻo đường đất nước...”

- Di sản của Thầy để lại cho môn phái cùi cũng thật vô giá. Chẳng hạn như, Triết Lý Nhân Sinh, trong đó có nguồn gốc chữ Cùi cao ngạo; đề nghị thượng cấp phương pháp đào tạo SVSQ thành cấp chỉ huy tin cậy cho Quân Đội Quốc Gia dựa trên 3 phương diện quân sự, văn hóa, và lãnh đạo chỉ huy.

Bản văn lễ truy điệu các chiến sĩ trận vong thật u hiên: *“...đêm nay, gió lạnh trên đồi thông đang thổi dậy, ánh lửa hồng đang mờ tỏ từng hồi... Hãy nung nấu tâm can chúng tôi với ngọn lửa thiêng truyền thống...”* (6) mà mỗi một cựu SVSQ khi nghe lần đầu bài truy điệu này tại vũ đình trường Lê Lợi trong lễ mãn khóa, dưới ánh đuốc chập chờn, không ai là không nổi... gai óc!

Kính thưa Thầy Cùi,

Trước những chỉ dấu đau lòng, chúng em nghĩ đến Thầy, như một chỗ dựa, như một cầu xin. *Có linh thiêng, xin chỉ lối đưa đường...* (6)

Dựa vào 5 điều tâm niệm của môn phái, chúng tôi thiên nghĩ, tất cả cựu SVSQ đều chịu trách nhiệm về sự *rạn nứt*, nếu có, trong tổng hội, dù ít dù nhiều, trực tiếp hay gián tiếp, lên tiếng, hay im lặng. Từ đó, mỗi thành viên thử dùng bửu bối “tự thắng” để tự điều chỉnh thái độ của mình, hầu sớm vui hòa vào sinh hoạt chung của tập thể.

Nếu sinh hoạt chung vẫn không phù hợp với suy nghĩ của

mình thì môn phái cùi bằng mọi giá đành chấp nhận “không sợ lở”! Lở ở đây hàm ý mọi bất như ý. Mọi bất như ý chỉ là *ghê lở*! Đã cùi thì sợ gì *ghê lở*? Cho nên, môn phái cùi rất cần đến sự “chấp nhận không sợ lở” để nhìn thẳng vào mặt nhau, tay nắm tay trong quyết tâm tái xây dựng một tổng hội yêu thương và nhân nhện, để phục vụ ước vọng chung của toàn dân là, dựng lại ngọn *cờ vàng ba sọc đỏ* trên núi cũ sông xưa...

Được như vậy, từ trên trời xanh, giữa đám mây trắng, Thầy Cùi Trần Ngọc Huyền an nhiên nhìn xuống dương gian với một nụ cười mãn nguyện và cao ngạo muôn thuở. Mãn nguyện, vì dù trong bất cứ nghịch cảnh nào, đám học trò của Thầy đã thực sự hiểu thấu *triết lý cùi* và đã tin yêu mang triết lý đó dần thân, tô thắm cuộc đời, dấu biết cuộc đời lắm... truân chuyên!?

CA, Thanksgiving 2017

Ghi chú:

(1) Triết Lý Nhân Sinh Truyền Lại Cho Quân Trường (Trần Ngọc Huyền)

(2) Nguồn Gốc Chữ Cùi (TNH)

(3) Danh từ Cùi được dùng lần đầu... (TNH)

(4) Lời Thách Đố Của Người Anh Cũ (TNH)

(5) (4) Chương trình Dạ Lan: https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BB%9D_c%E1%BB%A7a_D%E1%BA%A1_Lan

(6) Lời trích trong bài “Lễ Truy Diệu Truyền Thống”

(*) Tất cả các ghi chú 1, 2, 3, 4 và (*) đều nằm trong link:

http://nguyentn.tripod.com/dt_tranngochuyen.htm

** Cuối tháng 2/1957, trường Thủ Đức đổi tên thành Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức. Ngày 1/8/1963, trường lấy lại tên cũ là Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ngày 1/7/1964, trường được cải danh một lần nữa thành Trường Bộ Binh Thủ Đức.

Hình đầu bài: **Lễ Mãn Khóa 17 SVSQ TVBQGVN.**



Những Mùa Xuân Đã Qua

Tường Thúy, K20/1

Những cánh hoa đào trong vườn đang hé nở, rung rinh trước gió, báo hiệu mùa Xuân lại đang trở về trên Tucson, một thành phố bé nhỏ của miền Nam nước Mỹ, nơi gia đình chúng tôi đã trải qua hai mươi lăm mùa Xuân trên xứ người. Hai mươi lăm năm, thời gian đâu phải là ngắn, nó dài hơn thời gian gia đình tôi sống trên mảnh đất tự do của miền Nam Việt Nam kể từ ngày di cư, rời bỏ miền Bắc năm 1954, nơi chôn nhau cắt rốn, để thoát chạy khỏi chế độ phi nhân Cộng Sản. Hai mươi lăm năm, chúng tôi đã lại được sống như một con người sau khi chịu bao cực khổ, nhọc nhằn, cay đắng suốt mười bảy năm trời dưới chế độ Cộng Sản. Bây giờ, tuổi đời đã chồng chất trên đôi vai, đã hằn trên khuôn mặt, đã nhuộm bạc mái đầu, ngồi đây nghĩ về những mùa Xuân đi qua mà thấy bùi ngùi, tiếc nuối khoảng thời gian êm ấm của ngày tháng xa xưa, sống trong chế độ VNCH, rồi lại thấy xót xa, rùng mình khi nhớ tới những lúc khổ sở cùng cực trong vòng lửa đỏ của CSVN.

Ngày đó, trước 30/4 năm 1975, cứ mỗi độ Xuân về, từ thành phố cho đến thôn quê, ở miền Nam VN, nhà nhà đều như đôi mới hẳn lên. Mọi người lo dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa cho sạch sẽ, đẹp đẽ để đón mừng Xuân đến. Nhà nào cũng có chưng bày ít nhất một cành mai, một chậu cúc vàng, chậu

hồng, hay thực được trong nhà, một đôi câu đối đỏ dán bên cửa. Bàn thờ cũng được lau chùi cẩn thận, lư đồng, chân nến được đánh bóng sáng choang. Quang cảnh ngày Tết như hiện diện khắp nơi, khắp chốn. Những bài hát mừng Xuân vang lên từ những máy phát thanh càng làm không khí Tết trở nên vui tươi, rộn rã hơn:

*“Xuân đã đến rồi gieo rắc ngàn hồng hoa xuống đời,
Vui trong bình minh muôn loài chim hót vang mọi nơi
Dem trong tiếng cười cho kiếp người tình thương đắm đuối
Ánh Xuân đem vui với đời...”*

(Đón Xuân - Phạm Đình Chương)

Nhà tôi cũng không ngoại lệ. Khi Mẹ tôi còn sống, bà quy tụ tất cả anh chị em chúng tôi lại, phân công lớn, nhỏ, ai có việc nấy. Con trai thì phụ bố quét vôi nhà, sơn cửa, hay vật lá mai, đánh bóng đồ thờ; con gái phụ Mẹ quét dọn nhà cửa, làm bánh mứt. Chúng tôi ai cũng háo hức sửa soạn để đón Tết, mừng Xuân.

Rồi gần đến ngày Tết thì mẹ lại chỉ huy đám con gái gói bánh chưng. Mẹ chỉ bảo cặn kẽ làm sao để gói được những chiếc bánh vuông vắn như đã được đóng khuôn, cũng như đừng gói bánh quá chặt tay vì khi luộc, không có chỗ cho nếp nở ra bánh sẽ dễ bị “hấy” (hấy nghĩa là gạo bên trong bánh còn sống), và cũng không được gói quá lỏng, vắn vắn và vắn vắn... Dù được chỉ từng ly từng tí, thế nhưng những chiếc bánh chưng đầu tiên, thành phẩm đầu đời của chúng tôi với muôn hình thù kỳ quặc đã cho Mẹ và chúng tôi những trận cười đến chảy cả nước mắt. Mẹ phải ngồi sửa lại và một lần nữa bài học gói bánh chưng được Mẹ dạy lại tỉ mỉ hơn. Cuối cùng thì những chiếc bánh được những bàn tay vụng về của chúng tôi gói, đã trông gần giống như chiếc bánh của mẹ. “Lần đầu được thế là đẹp lắm rồi” Mẹ khuyến khích. Đến lúc luộc bánh, Mẹ đích thân chỉ cho nhóm con trai, đương nhiên có cả bọn con gái chúng tôi nữa:

- “Khi luộc bánh cần nhất là nước lúc nào cũng phải ngập bánh và lửa phải có đủ củi và cháy đều, vì vậy phải cần người ngồi trông lửa cho thêm củi và thêm vào nồi bánh khi nước cạn. Khi bánh chín vớt ra nhớ nhúng qua chậu nước lạnh rồi xếp lên một tấm ván, sau đó để một tấm ván nữa lên phía trên, tấm ván này không quá nặng dùng để ép cho bánh được rền hơn”.

Những lời dặn dò, chỉ dẫn này của Mẹ, chúng tôi luôn luôn ghi nhớ trong lòng. Sau này khi Mẹ đã không còn nữa, hàng năm chúng tôi, dù ai cũng có gia đình riêng, nhưng cứ gần đến ngày Tết là anh chị em chúng tôi lại trở về căn nhà của Bố Mẹ, quây quần bên nhau, nhặt lá mai, quét vôi nhà, trang hoàng bàn thờ, nhà cửa, gói bánh chưng, như ngày nào Mẹ còn sống, để Bố tôi không cảm thấy buồn và cô đơn mỗi khi Tết đến, Xuân về.

Vui nhất là những ngày gói bánh. Chúng tôi, người mua nếp, mua đậu, kẻ mua thịt, mua lá. Chị em quây quần bên nhau làm việc trong tiếng cười, tiếng nói rôm rả, đầy tình yêu thương như ngày nào còn Mẹ. Chắc Mẹ cũng hãnh diện vì những dạy dỗ chỉ bảo của Mẹ cho các cô con gái, con dâu, đã được các con hoàn thành một cách xuất sắc. Về phía các ông thì lo đề nghị cho cuộc chiến đấu đêm nay với cái nồi bánh chưng to tướng, để trên chiếc lò đã được kê sẵn sàng ở giữa sân rồi.

Bánh đã được bỏ vào nồi, nước đã đổ đầy và lửa cũng đã cháy. Dù đã lớn tuổi nhưng bố tôi cũng muốn tham dự vào nhóm mấy ông con trai. Vui quá mà, đâu có thể để Bố lui thủ ở trong phòng được. Thế là một chỗ ngồi danh dự cho Bố ở giữa cái chiếu đã được để sẵn. Cũng chính nhờ có Bố mà đêm canh bánh chưng không bị buồn ngủ, vì những câu chuyện đường rừng, nhất là chuyện ma của Bố kể nghe vừa sợ, vừa hấp dẫn làm sao.

- Hạnh nè, cô sợ ma hả? Sao cứ đưa cái lưng cho chú Sơn

giữ dùm vậy.

Thấy tôi bị ông anh rê trâu, ông xã tôi ôm vai, kéo tôi vào sát bên mình. Anh nói nhỏ nhưng cố ý cho mọi người nghe thấy:

- Có anh ôm như thế này, chả ma nào dám tới gần em đâu. Nó mà dám tới, thì anh... anh đẩy em ra anh chạy trước.

Cả nhà cười ầm lên, còn tôi thì tức đỏ mặt:

- Ghét anh lắm, không thèm ngồi cạnh anh nữa. Em ngồi



với Bố.

Nói xong tôi bò sang bên cạnh, ôm lấy cánh tay Bố. Bố cười vồ vồ lên bàn tay tôi:

- Ừ, ngồi với Bố thì chắc ăn hơn không ma nào dám lại, phải không, con gái của Bố?

Đến khoảng mười giờ thì âm thanh cười nói bị giảm vì câu nói của chị Cả:

- Quý vị ơi, xin vui lòng điều chỉnh âm thanh “cho vừa đủ nghe để khỏi làm phiền hàng xóm đang cần sự yên lặng nghỉ ngơi. Xin cảm ơn quý vị.”

Âm thanh tuy giảm, nhưng niềm vui không vì thế mà giảm

đi. Những tiếng cười cũng vẫn thỉnh thoảng bật lên trong đêm tối, những đĩa đậu phộng rang, mực nướng, cá nướng cũng vui dần theo câu chuyện, giữa mùi lá dong, mùi đậu, mùi nếp nấu chín thơm lừng trong không gian, thêm vào tiếng củi reo tí tách trong lò và ánh lửa bập bùng trong màn đêm. Ôi còn gì tuyệt vời cho bằng. Một khung cảnh đậm ấm đoàn viên như thế này tìm đâu thấy được.

Hai mươi mốt mùa Xuân tự do hạnh phúc dưới chính thể VNCH của miền Nam đối với tôi là những cái Tết thanh bình, ngoại trừ vào năm 1968. Vụ tấn công của VC trong những ngày đầu năm Tết Mậu Thân đã gây nên bao chết chóc, đau thương cho những người dân vô tội. Ở miền Trung nhất là tại Huế, cuộc thảm sát đẫm máu của bọn CSBV đối với người dân không chỉ là nỗi đau cho riêng Huế mà là nỗi đau chung của người dân miền Nam VN. Oán hờn này làm sao quên được. Niềm đau này làm sao xóa mờ.

Rồi ngày 30/4/1975, ngày Quốc Hận, những đau thương, khốn khổ đã bao trùm lên miền Nam VN. Khi nhìn thấy hình ảnh những tên lính Bắc Việt gày gò, bần thiêu, nhếch nhác kéo từng đàn, từng tốp, lê gót trên những đường phố Saigon, tôi đã ngạc nhiên, cay đắng và tự hỏi:

“Những kẻ đói ăn như thế này mà là kẻ chiến thắng mình sao? Một mâu thuẫn không thể tưởng tượng nổi.”

Nhưng sau này tôi đã hiểu được điều mâu thuẫn này. Đó là VNCH chỉ là một quân cờ thí trong bàn cờ chính trị mà người bán đứng mình lại chính là đồng minh của mình. Thật chua xót thay!

Thế rồi 17 năm sống dưới chế độ CS, tôi đã hiểu được thế nào là CS. Nó còn tòi tệ, khốn nạn, bị ối gấp trăm ngàn lần những gì mà chế độ VNCH mô tả trong những bài viết, bài tuyên truyền nữa. Chẳng thế mà người dân lần lượt rủ nhau bỏ nước ra đi bằng mọi phương tiện. Trong những thành phố, tỉnh lỵ của miền Nam, người miền Nam cứ vắng dần, phần

vượt biên, phần bị bắt đi tù, phần bị đẩy đi kinh tế mới. Những căn nhà lớn nhỏ đều đã thay đổi chủ bằng sự chiếm đoạt của những kẻ từ miền Bắc vào.

Chồng tôi bị bắt đưa đi “cải tạo” tháng 6 năm 1975, mấy mẹ con tôi về sống cùng với Bố và em tôi. Tôi bị cho nghỉ việc vì là vợ của sĩ quan chế độ cũ. Lúc đầu với số tiền dành dụm, cả nhà tôi cũng sống sót qua ngày, nhưng dần dà qua mấy lần đổi tiền thì cuộc sống trở nên bi thảm hơn, ngày đói nhiều hơn ngày no. Không thể đi làm để kiếm tiền thì cách duy nhất là bán đi những gì mình có trong tay như đồ đạc, quần áo, ..., gom lấy ít vốn rồi theo bạn, theo bè ra ngoài chợ tập buôn, tập bán, kiếm chút lời nuôi con. Nhưng cuộc sống không dễ dàng như mình nghĩ. Bọn công an luôn rình mò, bắt bớ, nhất là trong những ngày lễ Tết, Đây là cơ hội để chúng vợ vét hàng hóa của những người bán buôn nghèo, bằng cách đổ lên đầu họ trăm thứ tội. Nhẹ thì mất cả vốn lẫn lời, nặng thì ngoài việc mất hàng, còn bị bắt giam.

Dù biết vậy nhưng không thể ngồi nhà khoanh tay nhìn đàn con chịu đói; hơn nữa, giờ này gần Tết, hàng bán cũng chạy hơn nên vẫn phải tiếp tục ra chợ kiếm tiền để tiêu Tết và gửi quà cho chồng trong tù.

Đã ba mùa Xuân trôi qua, ba mùa Xuân anh còn biệt trong tù. Năm nay Xuân lại trở về, Tết lại đến. Còn anh, anh ở nơi đâu? Rồi những đêm giao thừa, tôi hay ngồi trên bậc thềm nhà, ngồi trong bóng đêm mà nhớ đến anh da diết. Biết bao giờ chúng mình mới được gần nhau, hả anh? Sao tương lai chúng mình lại đen tối như đêm ba mươi thế này? Tôi gục đầu xuống vòng tay, mặc cho những dòng nước mắt cứ tuôn trào mà nghe tim mình nhói buốt, mà thấy tâm hồn mình cô đơn vô cùng. Tôi cứ ngồi như thế cho đến khi một cái áo khoác lên vai tôi và tiếng Huy khe khẽ nói:

- Mẹ ơi, vào đi ngủ đi, ở ngoài này lạnh lắm. Con mang thêm áo cho mẹ nè.

Tôi ngược đầu lên, Huy đứng đó, nhìn tôi chờ đợi. Tôi mỉm cười với con:

- Ừ, ngoài này hơi lạnh. Cám ơn con. Thôi mình cùng vào nhà, Huy nhé.

Tôi nằm bên cạnh ba đứa con mà vẫn không thể nhắm mắt lại được. Nhìn sang Huy, thấy thằng bé đã ngủ rồi. Tôi nhẹ nhàng ngồi lên, kéo cái chăn đắp lại cho nó. Huy là đứa con lớn nhất của tôi. Khi anh đi tù con mới lên năm, bây giờ con đã gần chín tuổi rồi, đã ra dáng là anh hai, biết lo cho các em khi mẹ ra chợ. Hôm nọ con lại gần thủ thủ với tôi:

- Mẹ ơi, gần Tết rồi, mẹ không may áo mới cho Tí Dung hả, con thấy cái áo em mặc đã chật rồi đấy.

- Mẹ biết rồi, mẹ có may cho em một cái áo khác. Còn con và Hoàng thì mẹ may cho hai đứa hai cái quần rồi.

- Mẹ lấy vải đâu mà may quần áo cho mấy đứa hả mẹ? Mà mẹ may lúc nào vậy, sao con không thấy? Huy thắc mắc.

- Đúng rồi, mẹ đâu có tiền mà mua vải. Mẹ lấy áo dài cũ của mẹ ra sửa thành áo cho bé Dung. Còn của hai đứa là mẹ sửa lại quần của bố; quần của bố còn mới, mặc cũng đẹp lắm, con ạ.

- Mẹ may lúc nào hả?

- Vào ban đêm khi các con ngủ đó. Được chưa, cậu bé hay thắc mắc của mẹ.

Nghĩ đến mà thương cho những đứa bé, sinh bất phùng thời, vô phước phải sống trong thời buổi mà quý nhiều hơn thàn, nước mắt tôi lại trào ra. Gạt đi những dòng nước mắt, tôi nhẹ bước xuống giường, ra ngồi bên cửa sổ. Bên ngoài trời vẫn tối đen như mực. Nhìn về phía sân sau, bất giác ánh mắt của tôi chợt dừng lại nơi ba hòn gạch lớn. Chúng đã ở đây đã lâu lắm rồi, đã từng được dùng để kê thành nơi nấu nồi bánh chưng. Và rồi hình ảnh của những ngày thân yêu xa xưa ấy lại lần lượt hiện về trong tâm trí tôi:

“Nồi bánh chưng to ở giữa sân đang sôi sùng sục, mùi bánh, mùi lá dong, mùi nếp, mùi đậu thơm lừng, rồi mùi khói của than, tiếng reo tí tách của củi, cùng với ánh lửa bập bùng trong đêm. Ôi, lại còn những tiếng cười, tiếng nói, những khuôn mặt đỏ ửng ngày nào nữa.”

Tôi đang đắm mình trong cơn mộng. Chợt tiếng ho của Bố tôi từ phòng bên vang lên làm tôi bừng tỉnh. Tất cả hình ảnh đột nhiên tan biến đi hết. Chỉ còn lại nơi đây một khung cảnh lạnh lẽo, vắng tanh đến rợn người. Tôi nghĩ đến mâm cơm cúng cho buổi sáng đầu năm: lại một bát bánh bột lọc, một chén nước mắm nhỏ, và một bát canh rau muống đánh dấm cà chua, nhưng rau muống thì sào qua với chút dầu, chút muối. “Thế là hậu hĩ quá rồi.” tôi mỉm cười chua chát.

Với một đời sống bị kìm kẹp trong xã hội CS, muốn có được một miếng thịt cũng phải chờ theo tiêu chuẩn mới được mua, muốn mua gì cũng phải sắp hàng. Đã vậy thực phẩm chính yếu của người VN là gạo cũng không có để bán cho dân thay vào đó cái mà họ cung cấp cho dân là bo bo, một loại thức ăn cho trâu, ngựa. Cuộc sống khốn khổ, bần cùng như thế thì làm gì còn có Tết, làm gì còn có Xuân. Những bữa cỗ thịnh soạn trong những ngày Tết như dưới thời VNCH chỉ còn là một giấc mơ trong quá khứ mà thôi. Bây giờ trên bàn thờ cúng các cụ trong ngày đầu năm ngoài bát bột lọc, hay bát bo bo và một đĩa rau muống, thì còn gì nữa đâu. Một nén nhang được thắp lên để tạ lỗi cùng tổ tiên vì sự quá đăm đăm bạc của một bữa cỗ trong chế độ CSVN. Mùi hương của nén nhang chỉ khơi thêm trong lòng con cháu sự đắng cay, buồn tẻ, và để cho những giọt nước mắt cứ âm thầm chảy càng lúc càng nhiều hơn nữa

Thế rồi những mùa Xuân buồn tẻ, lạnh lẽo, vô vị, cứ nối tiếp đi qua cho đến ngày chồng tôi, anh tôi, em tôi với một thân xác tàn tạ, được trả về từ những trại tù nơi rừng sâu, núi thẳm. Từ một nhà tù nhỏ trở ra nhà tù lớn, các anh cũng chẳng có gì khác hơn, cũng vẫn bị những bắt công, kỳ thị, dọa dẫm.

Chế độ CS là như thế đó.

Các cụ xưa có nói: “Trời không đóng cửa ai bao giờ.” Sự cầm tù quân, cán, chính, thuộc chế độ VNCH của bọn CS, cùng những cuộc vượt biên bi thảm của những thuyền nhân VN, đã đánh động vào con tim của thế giới. Những trại tị nạn đã được mở ra để cứu vớt các thuyền nhân. Còn riêng đối với người tù cải tạo, thì một chương trình nhân đạo khác đã được thành lập do lòng tốt của những người Việt hải ngoại cùng một số những nhân vật cao cấp trong chính phủ Mỹ giúp đỡ. Đó là chương trình HO (Humanitarian Operation).

Biên Tập Viên Mặc Giao của RFA đã viết trong bài “Hành Trình HO” là chương trình này được vận động bởi,

“... ý tưởng cứu những người tù “cải tạo” ra khỏi đất nước một cách hợp pháp đã nảy sinh trong lòng những người vợ của họ đang sống tại Mỹ. Một trong những người như thế là bà Khúc Minh Thơ, chồng bà là một sĩ quan đã chết trước khi trở thành một HO và bà có rất nhiều bạn bè của chồng vẫn nằm trong trại cải tạo. Bà Khúc Minh Thơ, sang Mỹ năm 1977, có ý tưởng vận động cho tù nhân cải tạo, luôn thôi thúc trong lòng bà. Ông Shef Lawman, một chuyên viên của Bộ Ngoại giao Mỹ làm việc tại Việt Nam cho tới phút cuối. Do có vợ Việt ông Lawman hiểu rất rõ tình hình chính trị, văn hóa và xã hội Việt Nam và là người đầu tiên bà Khúc Minh Thơ gặp và trao đổi với ông ý tưởng của mình. Từ gợi ý của ông Lawman, một hội mang tên Gia đình Tù nhân Chính trị Việt Nam thành hình, tập hợp vợ con của những người tù “cải tạo” để có tiếng nói chung.”

Bà Khúc Minh Thơ:

“Người thúc đẩy cho tôi nhiều nhất là ông Robert Funseth. Ông ấy đặc trách chương trình tị nạn của Bộ ngoại giao. Người thứ hai, theo dõi diễn tiến của tụi tôi nhiều nhất, là ông Shef Lawman, nhân viên của Bộ ngoại giao... Ngoài ra bên lập pháp còn có TNS John McCain và TNS Robert Kennedy.”

Xin cảm ơn bà Khúc Minh Thơ, ông Robert Funseth, ông Shef Lawman, Thượng Nghị Sĩ Jonh McCain, Thượng Nghị Sĩ Robert Kennedy, và Tổng Thống Reagan, người đã ký cho thi hành chương trình này. Xin chân thành gửi đến quý vị lời cảm ơn mặc dù có muộn màng.

Vì lòng tốt của quý vị mà ngày nay chúng tôi đã có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc trên miền đất tự do này. Xin cảm ơn nước Mỹ, nơi đã giang rộng vòng tay để cứu mang chúng tôi.

Năm 1992, gia đình chúng tôi rời VN trên chuyến bay United Airline và đặt chân lên miền đất tự do ngày 14/7/1992, tại sân bay San Francisco. Từ đây, chúng tôi tới phi trường Denver, thuộc tiểu bang Colorado. Một lần nữa, United Airline đưa gia đình tôi và một gia đình nữa đến phi trường Tucson của tiểu bang Arizona. Để từ đây, xin nhận nơi này làm quê hương thứ hai trong đời và Tucson sẽ là tổ ấm đầu tiên và mãi mãi cho gia đình chúng tôi trên xứ người vì:

*“Saigon ơi, tôi đã mất người trong cuộc đời
Saigon ơi, thời đã hết thời gian tuyệt vời
Giờ còn đây, những kỷ niệm sống trong tôi,
Những nụ cười nát trên môi, những giọt lệ ôi sâu đắng...”*

(Saigon Vĩnh Biệt – Nam Lộc)

Việc khó khăn đầu tiên trong cuộc sống trên xứ người là cái rào cản của ngôn ngữ. Mặc dù ở VN, tiếng Anh là một sinh ngữ đã được dạy ở bậc trung học, nhưng vốn liếng học chẳng được bao nhiêu. Hơn nữa, chương trình học từ chương không có thực tập, nên khi qua đây nói chuyện với người Mỹ, không những phải vận động trí óc để tìm từ ngữ mà còn phải có sự trợ giúp của cả hai bàn tay múa may lung tung nữa. Dù vậy, chính bản thân cũng biết rằng mình chẳng làm cho người đối thoại hiểu mình thêm được tí nào, khi nhìn nét mặt và nụ cười của họ. Còn nghe người Mỹ nói khác nào như vịt nghe sấm, nghe chỉ thấy lú ra, lú rú như chim. Vì vậy muốn được hội

nhập nhanh và dễ dàng, cả nhà chúng tôi đều phải theo học các lớp ESL.

Tôi còn nhớ, sau bốn tháng ăn tiền trợ cấp của chính phủ, chúng tôi nhất quyết xin hội USCC, nơi bảo trợ cho gia đình chúng tôi, tìm đùm việc làm.

Những ngày đầu mới đi làm, tôi rất sợ những buổi họp nhất là buổi họp để giới thiệu về mình. Tôi phải về nhà soạn trước một vài câu ngắn và học thuộc lòng. Vậy mà khi nói vẫn còn lắp bắp, lúng ta, lúng túng, xấu hổ ời là xấu hổ. Nhưng một thời gian sau, vì nhờ tiếp xúc thường xuyên, nghe cũng quen dần và nói cũng khá hơn một chút, nên không phải trốn tránh hay chỉ lấy nụ cười để khóa lấp điều mình không hiểu. Tuy vậy, vẫn có những lỗi lầm đáng buồn cười như có lần Fred, người supervisor của department tôi đang làm việc, đi ngang qua chào:

- Hi Thuy, how are you doing?

Tôi sồn sác trả lời:

- Hi Fred, I'm testing some boards.

Tôi thấy ông ấy đứng lại cười cười, rồi nói thật chậm rãi như để cho tôi nghe rõ hơn:

- Thuy, I ask you, how... are... you... doing? Not, what are you doing?

Đỏ mặt, tôi xin lỗi vì nghe không rõ, ông ấy cười và hứa sẽ nói chuyện với tôi nhiều hơn để tôi học hỏi thêm.

Về phần con cái, hai cháu lớn đã hội nhập dễ dàng vào cuộc sống. Lúc đầu các cháu sáng đi học ESL ở Community College, chiều đi làm thêm phụ với bố mẹ. Một thời gian, sau khi tiếng Anh đã vững, các cháu ghi danh vào đại học University of Arizona ở Tucson. Còn riêng cháu gái, học lớp 11 của trường Catalina gần nhà. Thời gian mới đi học, quả là quá khó khăn cho cháu, vì dưới chế độ CS, ngoại ngữ các cháu được học chỉ là tiếng Nga, nên khi qua đây, tiếng Anh rất yếu.

Hôm nào đi học về cháu cũng khóc:

- Con không hiểu gì cả làm sao con học, hả mẹ? Con không muốn học nữa, mẹ cho con nghỉ học đi, mẹ ơi!”

Cả hai vợ chồng chúng tôi phải khuyên bảo, dỗ dành và chiều nào sau khi đi làm về hai vợ chồng cũng cùng phải học chung với cháu đến khuya. Mẹ thì tra tự điển, còn bố thì giảng toán, giảng bài. Cuối cùng với sự cố gắng của cả nhà, cháu cũng đã hoàn thành xong chương trình High School. Thành tích ngày ra trường của cháu: cháu là người đứng thứ ba trong top five của toàn trường Catalina. Như vậy bước đường vào Đại Học của cháu đã dễ dàng rồi.

Những khó khăn ban đầu đã đi qua, những cố gắng và chăm chỉ của chúng tôi đã được bù đắp. Chúng tôi đã có một cuộc sống ổn định. Mùa Xuân đầu tiên trên xứ người của gia đình chúng tôi cũng đã ấm cúng và hạnh phúc hơn mùa Xuân năm trước trên quê hương. Dù ở đây không có không khí Tết, không có pháo đỏ, nhưng có rượu nồng, không có những cánh mai vàng nhưng có những cành đào đỏ thắm, cũng đã an ủi được phần nào cho những người xa xứ. Và mâm cơm cúng đầu năm trên bàn thờ tổ tiên không còn làm cho tôi cảm thấy xót xa, đắng lòng như ngày nào.

Mấy mùa Xuân đầu, gia đình chúng tôi đón Tết vẫn còn đầy đủ mọi người, vì lúc đó các con vẫn còn đang đi học, căn nhà vẫn còn vang tiếng cười đùa của chúng. Nhưng rồi thời gian trôi qua, các con dần dần từng đưa tốt nghiệp ra trường, có công ăn việc làm, rồi lấy vợ, lấy chồng, thì lần lượt tản mác, rời bỏ chúng tôi đi lập nghiệp ở thành phố xa hoặc ở các tiểu bang khác. Căn nhà chỉ còn lại hai vợ chồng, cho nên mỗi khi Tết đến, Xuân về, hai đứa chúng tôi đều cảm thấy trong lòng mang mang nỗi buồn nhẹ nhẹ. Nhưng vì sinh kế, vẫn còn phải đi làm, hơn nữa công việc quá bận rộn, không có nhiều thời gian để suy nghĩ về sự trống vắng của căn nhà, sự tẻ lạnh của những ngày Tết, thế nên nỗi buồn cũng trôi qua.

Tuy vậy chúng tôi vẫn được an ủi trong lòng, vì hàng năm dù ở xa, các con, các cháu vẫn trở về đây tụ họp, quây quần bên bố mẹ, bên ông bà, vào dịp lễ Giáng Sinh và Tết Dương Lịch. Tết đến, Xuân về mà không có các con, các cháu bên cạnh thì cũng buồn thật. Nhưng buồn thì buồn, chúng tôi cũng hiểu được cuộc sống ở bên Mỹ này, không giống như ngày xưa ở VN, các con cũng có đời sống của riêng mình, không thể trách móc hay đòi hỏi gì hơn ở chúng được. Ngay đối với chúng tôi, lúc bấy giờ, ngày Tết Âm Lịch cũng vẫn phải đi làm mà không được nghỉ. Tiểu bang nơi chúng tôi ở, không có nhiều người Việt như bên California, hay Texas nên không khí Tết hầu như không có, dù cộng đồng người Việt ở thành phố chúng tôi sinh sống cũng tổ chức đón Tết, mừng Xuân ở đâu đó.

Không có thời gian ăn Tết, nhưng theo tập tục VN, để đón mừng năm mới, nhà cửa cũng phải trang hoàng đẹp đẽ, nên sau khi tan sở về, chúng tôi cũng đi sắm vài chậu hoa bày khắp nhà để mừng Xuân; mâm cỗ đầu năm trên bàn thờ tổ tiên cũng được sửa soạn tươm tất để đón ông bà về: Nào hoa quả, bánh chưng, nào kẹo, mứt, hột dưa, đủ cả.

Mười mấy mùa Xuân qua cứ đều đều như thế cho đến khi chúng tôi về hưu. Về hưu là thời gian hưởng thụ kết quả của những ngày tháng vất lộn với cuộc sống. Bấy giờ thanh thoi rồi, không có con mọn phải lo nên hai vợ chồng tôi lên kế hoạch đi du lịch, đi thăm bạn bè, bà con, nay chỗ này, mai chỗ khác. “Giờ còn khỏe mạnh, đi chơi được thì cứ đi. Mai một sức khỏe không còn, chân run, mắt kém không đi được nữa lúc đó lại tiếc.” Đó là lời khuyên của rất nhiều người quen biết. Chúng tôi đã thực hiện đúng theo lời khuyên, vì thế chúng tôi đã có những năm tháng, những mùa Xuân tuyệt vời trên bước đường du lịch của mình.

Bây giờ, tuổi đã càng cao, sức khỏe không còn như mấy năm trước, chúng tôi đã thôi không lang thang đây đó khắp nơi nữa, mà an hưởng tuổi già của mình bên những chậu hoa,

cây cảnh, bên đàn cháu nhỏ dễ thương. Vợ chồng cô con gái út của chúng tôi đã dọn về ở gần bố mẹ, nên các cháu qua chơi bên ông bà thường xuyên hơn.

Mùa Xuân lại về trên Tucson, ngoài sân những chậu cúc vàng tươi đang khoe sắc cùng với những bông hồng rực rỡ. Tôi lững thững bước ra vườn. Một làn gió nhẹ thoảng qua. Con gió vẫn còn mang một chút hơi lạnh lạnh của mùa Đông làm tôi rùng mình. Nhìn những cánh đào thắm rung rinh trong gió nhẹ, tôi chợt nhớ đến những cành mai năm nào ở quê hương tôi. Quê hương tôi tình của tôi bây giờ ra sao? Có một chút gì đó xót xa, có một chút gì đó nao nao đang dâng lên ở trong lòng, tôi nghe mắt mình cay cay. Tiếng hát Lê Thu từ trong nhà văng vẳng ra nghe mà ray rứt, buồn làm sao. Ôi những mùa Xuân trong đời!

*Tôi đi tìm lại một mùa Xuân
Dù không mong đến chuyện tương phùng
Đù tháng năm trôi vào xa vắng
Và Xuân nay khác biệt Xuân xưa*

Tôi đi tìm lại một mùa Xuân
Mùa Xuân năm đó chưa thấy lại
Tôi vẫn đi trong chiều Xuân tái
Tìm để mà tìm như thế thôi.

(Tôi đi tìm lại mùa Xuân – Đoàn Nguyên)

Tucson – Az, 2017



John Pimlott

Trận Long Tân

*Huỳnh Dĩ Minh. K28
(Phỏng dịch)*

Tháng Tư, 23-1964, Tổng Thống Johnson đã kêu gọi nhiều quốc gia tham dự, với hy vọng tập hợp được các nước Đông Minh, để giúp đỡ cho một nước bạn “đang bị bao vây”. Vì không mang ý nghĩa toàn thế giới, Anh Quốc từ chối gửi lực lượng quân sự, phần chính là vì cuộc khủng hoảng ở Borneo. Nhưng, vào cuối năm, để đáp ứng lời kêu gọi, Philippine, Cộng Hoà Hàn Quốc [Đại Hàn], Thái Lan, Úc, và Tân Tây Lan đều xác định là muốn được đóng góp bằng hình thức hỗ trợ quân sự... Điều này cũng đủ để Johnson mô tả đó là cuộc chiến phát triển theo tính chất quốc tế hơn là thuần túy chỉ là vấn đề của Mỹ.

Trong sự kiện đó, tầm vóc và tính chất sự hỗ trợ của đồng

minh khác nhau. Cộng Hoà Hàn Quốc, ngay tức thì đã dàn 2 sư đoàn Bộ Binh, 1 lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến (khoảng 48 ngàn quân). Trong khi đó, Philippines chỉ tập trung vào hoạt động Dân Sự Vụ và chỉ gửi khoảng 2 ngàn nhân viên cho bình định và phát triển nông thôn. Giữa 2 thái cực, Úc Đại Lợi với sự hậu thuẫn của Tân Tây Lan, đã dàn khoảng 7 ngàn quân chiến đấu, phần lớn nằm ở Tỉnh Phước Tuy, Đông Nam của Saigon. Họ đã chiến đấu rất có hiệu quả, bằng sự dũng mãnh, và rõ ràng là không có đối thủ ở Việt Nam.

Sự tham dự của UDL (Australia) thật ra đã có trước khi Johnson kêu gọi nhiều nước tham gia. Tháng 8-1962, 20 tháng trước khi có lời kêu gọi, Toán Huấn Luyện Lục Quân Úc cho VN, gồm 30 sĩ quan và hạ sĩ quan, đã đến Vùng I Chiến Thuật để cố vấn cho Quân Đội VNCH. Vào năm 1964, toán huấn luyện này đã gia tăng thêm 80 nhân viên, mà nhiều người trong số đó đã làm việc cho Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ tháp tùng với quân đội VNCH trong các cuộc hành quân. Với mục đích thống nhất chỉ huy, Úc đã hội nhập cùng với toán cố vấn chính yếu Mỹ, mặc dù họ được cho phép phát triển theo ý của họ. Những thay đổi thực sự đến vào tháng 5-1965, khi chính phủ Úc đồng ý gửi Tiểu Đoàn 1, thuộc Lữ Đoàn 1 Hoàng Gia Úc như là một đơn vị hoàn toàn chiến đấu. Được đưa tới Biên Hòa bên ngoài Saigon, Lữ Đoàn 1 (LĐ), tham gia cùng với Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù Mỹ mới đóng quân ở đó, đạt được rất nhiều kinh nghiệm quý báu qua những cuộc hành quân bằng trực thăng vận trong Chiến Khu D.

Vào tháng 9-1965, các lực lượng Úc được tăng cường một khẩu đại bác 105mm (cùng với số lượng tương đương được Tân Tây Lan cung cấp 2 tháng trước) và 1 chi đội thiết vận xa M113.

Sự lớn mạnh hiệu quả của Lữ Đoàn 1 đã giúp thuyết phục được chính quyền ở Canberra cho hình thành một lực lượng đặc nhiệm gồm 2 tiểu đoàn bộ binh, thiết vận xa, công binh, pháo binh, và tiếp liệu. Tổng cộng quân số là 1.500 quân.

Quyết định này được công bố vào tháng 3-1966. Lữ Đoàn 5 và 6 sẽ thay thế khi LĐ 1 trở về nước.

Đa số người Úc không thích ý tưởng quân đội Úc chỉ phụ trợ cho quân đội Mỹ trong chiến tranh VN, nên đã có áp lực để lực lượng quân đội Úc được chuyển thành những đơn vị hành quân độc lập ở Nam VN, cách xa vùng biên giới quốc tế. Đó là vùng ven biển.

Lực lượng đặc nhiệm Úc sẽ do chính họ điều hành, trong những cuộc hành quân bán độc lập. Người ta đã chọn tỉnh Phước Tuy, nằm theo ven biển gần Saigon, với thị trấn Vũng Tàu, có diện tích khoảng 1500 dặm vuông, phần lớn do CS kiểm soát. Lực Lượng Đặc Nhiệm Úc đến Vũng Tàu, Tỉnh Phước Tuy vào tháng 5-1966.

Tỉnh này không có rừng rậm, chỉ những rẻo đất nhỏ với nhiều bụi cây nằm rải rác, cùng với những đồi thấp và những đồn điền cao su của các chủ Tây trước kia. Dân số khoảng 100 ngàn sống tập trung ở ven biển. Những thành phần thân Cộng, cũng như những người lưng chừng đã từng là những phần tử tham gia phá hoại cùng CS từ thập niên 1940. Đơn vị chủ lực của VC là Sư Đoàn 5, được biết là ẩn núp trong núi Mây Tào ở hướng Đông Bắc, trong khi tiểu đoàn du kích địa phương là D445 hoạt động trong những khu xã áp lân cận. Nơi đây chẳng có 1 đơn vị nào của Nam VN hay Mỹ hành quân, nhằm quét sạch VC trong khu vực.

Lữ Đoàn Trưởng O.D Jackson của lực lượng đặc nhiệm quyết định thành lập khu căn cứ ở Núi Đất, là khu đồi nhỏ cách 2h0 dặm về phía Bắc Vũng Tàu. Từ vị trí này, lực lượng Úc có thể dùng đại bác 155mm của Mỹ để kiểm soát một vùng có đường kính lớn. Được yểm trợ hỏa lực, các đơn vị bộ binh của ông có thể tổ chức những cuộc hành quân “**tuần tiểu tấn công**”, làm sạch VC trong những khu xã, áp lân cận, cũng như mang quân chêm vào giữa khu dân cư và Sư Đoàn 5 VC ở khu dân cư tập trung ở phía Nam.

Tháng 5 /24/1966, LĐ5 hợp cùng Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù Mỹ mở cuộc hành quân để bình định khu Núi Đất. Ba tuần sau, để thay thế các đơn vị Mỹ, Lữ Đoàn 6 đến. Giờ đây, quân Úc đang tự thực hiện các cuộc hành quân.

Núi Đất chỉ có vài khu vực; bộ binh sống dưới những lều bạt. Họ phải đào hầm hố để đặt các khẩu đại bác. Thời tiết tùy thuộc hoàn toàn vào gió mùa. Mặc dù vậy, những cuộc tuần tiễu cũng bắt đầu ngay tức khắc. Các toán Biệt Không Úc [SAS Australian Special Air Service] bắt đầu đẩy sâu vào Phước Tuy, để lại các đơn vị bộ binh làm sạch vùng trái độn chung quanh căn cứ, nhằm đẩy các đơn vị du kích của VC ra xa ngoài tầm súng cối của chúng... Trong tiến trình hành quân lục soát khu dân làng Long Tân và Long Phước một cách thận trọng từ phía Nam và phía Đông, dân chúng đã được dời tới những địa điểm an toàn hơn.

Nhưng lực lượng đặc nhiệm Úc đã có vấn đề: Thiếu tiếp tế về trang bị, trực thăng yểm trợ không hiệu quả. Quan trọng hơn cả là phối hợp tình báo tồi. Rõ ràng là VC muốn đánh Núi Đất càng nhanh càng tốt khi họ có thể di chuyển những tiểu đoàn VC từ núi Mây Tào vào. Nhưng ngay khi ấy, Úc đã không nắm vững được hoạt động của VC, vì họ không phân biệt được những tin tức tình báo nào đáng tin cậy, khi có hàng đồng gửi tới họ.

Khi súng cối và đại bác không giạt bắn vào Núi Đất sáng ngày 17/8 giết chết một binh sĩ thuộc lực lượng đặc nhiệm và làm bị thương 23 quân nhân Úc, trong một trận đánh bất ngờ, lực lượng Úc đã không thể phối hợp để đáp trả. Toàn thể LĐ5 và Đại Đội A, LĐ6 đã được bung ra ngoài hành quân tuần tiễu. Với 2 tiểu đoàn đã rải ra, Jackson chỉ còn vài đại đội trừ bị trong căn cứ để truy tìm những kẻ tấn công, trong khi chỉ có 3 đại đội bảo vệ căn cứ đang lùng sục những khu vực chung quanh. Đưa quân tuần tiễu về căn cứ khi bị súng cối của VC pháo kích là khuyến khích chúng tấn công; vì thế, Jackson đã đưa Đại Đội B/ LĐ6, với quân số không đầy đủ, ra ngoài để

càn quét trong khu vực phía Đông ngoài căn cứ.

Đại đội đã chẳng tìm thấy gì, nên trở về căn cứ vào ngày 18/8. Đại Đội D/LĐ6 thay thế. Khi ấy, lực lượng Úc đã không biết rằng 7 tiểu đoàn VC (hơn 4 ngàn quân) đang tiến gần về Núi Đất. Trong đó, 3 tiểu đoàn VC đi vòng về phía Bắc, 4 tiểu đoàn còn lại tiến về từ phía Đông, ẩn núp trong đồn điền cao su Long Tân. Đại Đội D, do Thiếu Tá Harry Smith làm đại đội trưởng, có quân số 108 người, gồm ba trung đội 10, 11, và 12, cộng với toán nhỏ của ban chỉ huy. Đại đội này, có nhiệm vụ thay thế Đại Đội B, tiếp tục càn quét về phía Đông của đồn điền cao su.

Vào 11 giờ ngày 18 /8, họ rời Núi Đất. Mũi nhọn đi đầu là Trung Đội 12 của Trung Úy David Sabben. Hai tiếng sau, họ bắt tay với Đại Đội B. Vào buổi sáng, họ đã tìm thấy một số hồ súng cối ở phía Tây bìa rừng cao su, cách Núi Đất khoảng 2 ngàn mét. Smith quyết định lần theo dấu vết về hướng Đông. Sau khi đi khoảng 300m dấu vết để lại tách làm đôi. Đường mòn bên trái đi vòng qua hướng Bắc của ven đồn điền cao su, trong khi và con đường bên phải đi thẳng vào rừng cao su, với các hàng cây cách nhau đều đặn. Trung úy Geoff Kendall, của Trung Đội 10, cho chiếm con đường phía B, trong khi Trung Úy Gordon Sharp, của Trung Đội 11, di chuyển về phía Đông. TĐ12 và ban chỉ huy đi theo Sharp.

Ngay sau 15:00 giờ, 45 phút sau khi bắt đầu hành quân, toán đi đầu của Trung Đội 11 bất ngờ phát giác ra 6 VC. Theo như binh nhì Allen May thuộc toán tiền sát mô tả,

- “Khi ấy, một nhóm những tên VC đang ngồi quanh bên bếp lửa để ăn trưa.”

Quân Úc nổ súng, truy đuổi toán VC, đi sâu vào rừng cao su, vượt qua cái chòi của người cạo mủ, tới một trảng trống nhỏ. Đây là phía Đông bìa rừng cao su. Vượt xa khỏi khu vực đó là rừng thiên nhiên chạy dài thành “một bức tường xanh”.

Lúc 16:08 giờ, quân của Sharp tiến vào trảng trống, ngay

tức thì bị hỏa lực bắn như mưa. Theo lời bình nhĩ Peter Anislie,

- “Hàng triệu những đốm sáng lóe lên từ cánh rừng bắn ra, với tầm bắn từ đầu gối trở lên, tiếng nổ rền kinh khiếp.”

Hai binh sĩ Úc chết. Những người còn lại tìm chỗ ẩn núp vào bất cứ những vị trí nào có thể núp, đáp trả lại bằng hỏa lực tối đa. Dường như VC muốn đánh bọc sườn để bao vây Trung Đội. Đồng thời Trung Đội 12, cùng với ban chỉ huy của Smith



ở xa phía sau, đã bị súng cối của VC đánh chặn, nên không thể cứu Trung Đội 11, đang trong tình trạng nguy ngập. Tuy nhiên, khi tình trạng giao động ban đầu đã qua đi, quân Úc lấy lại bình tĩnh bắn vào các mục tiêu, một cách cẩn thận, không cho VC chiến thắng dễ dàng, mau chóng. Đại bác 105 mm, bắn đi từ Núi Đất, đã yểm trợ mạnh mẽ.

ĐU Morrie Stanley, sĩ quan tiền sát của Tân Tây Lan tháp tùng cùng BCH của Smith, gọi bắn chặn cạnh sườn phía Đông của Trung Đội 11 liên tục dưới thời tiết xấu, trong 2 tiếng rưỡi. Việc điều chỉnh của ông đã giúp 24 khẩu đại bác nả đạn chính xác, đạt được kết quả quan trọng trên chiến trường. Pháo binh 155mm của Mỹ cũng tham dự. Lúc đang bị VC bao vây, Trung Đội 11 phải chiến đấu sống còn giữa cơn ác mộng của những âm thanh, TĐ10, đang đi chuyển từ phía Bắc

xuống, cố giải tỏa áp lực. Khi ấy trời bắt đầu đổ mưa. Khi nói “mưa”, Kendall nhớ lại:

- “Loại mưa giống như ở VN sau buổi trưa. Mưa như trút nước.”

Tầm nhìn bị cắt hẳn còn khoảng 50m. Cùng với tiếng nổ của pháo binh bắn đi từ Núi Đất, quân Úc tiến sát các vị trí VC đang bắn vào TĐ11. Kendall ra lệnh cho đơn vị nổ súng và,

- “Tất cả đều quì xuống nhả đạn bắn xé vào chúng... Tôi không nghĩ là chúng biết đạn từ đâu bắn tới.”

Nhưng địch quân đã nhanh chóng phục hồi, chuyển hướng đánh chặn TĐ10, đã được pháo binh của Stanley bắn yểm trợ vào những khu vực phụ cận. Nhưng nỗ lực giải cứu 11 cũng thất bại. Đại Đội D bị nhận sâu trong trở ngại.

Ở Núi Đất, Đại Tá Colin Townsend theo dõi trận đánh. Ông ra lệnh cho Lữ Đoàn 6 HGU sắp đặt lực lượng giải vây. Biết rằng tốc độ là yếu tố quyết định, ông đưa Đại Đội A của LĐ6, mới trở về căn cứ, vào khu vực lâm chiến bằng thiết vận xa M113 của Chi Đội 1. Họ đã được báo động vào 16:40giờ. Tr/U Adrian Roberts nhanh chóng tập trung được 10 chiếc, trong số này nhiều chiếc đã cũ kỹ được thừa hưởng của Chi Đoàn 1 từ năm trước. Một vài chiếc thiết vận xa (TVX) thiếu cả lá chắn thép dành cho xạ thủ đại liên M50. Có vài chiếc không có hệ thống liên lạc nội bộ để trường xa hướng dẫn tài xế. Mặc dù trong tình trạng như vậy, Đại Đội A/LĐ6 lên TVX không chậm trễ rời Núi Đất lúc 17:45giờ, hướng về điểm ngang suối Đá Bàn. Hai chiếc TVX có nhiệm vụ đón Townsend, người đang chỉ huy trận đánh Long Tân. Với tình trạng như vậy, Roberts tin tưởng việc tiếp cứu có hiệu quả.

Trong khi đó, Đại Đội D vẫn tiếp tục sống sót. Mặc dù thiếu đạn dược, đại đội đã 2 lần để Tr/Đ 12 cố bắt tay với TR/Đ 11 từ hướng Tây Bắc. Vào khoảng 17:00giờ, Smith ra lệnh trung đội bung về hướng BCH, vị trí giờ đây để một lỗ hổng nhỏ ở hướng Tây. Những người bị thương được đưa vào và vòng đai

phòng thủ, đã được thiết lập vội vàng. Sau khi Tr/U Sharp hy sinh, Trung Đội 11 giờ đây dưới quyền chỉ huy của Trung Sĩ Bob Buick. Trung đội chỉ còn 10, 11 người là không bị thương và phải tự bảo vệ cho chính họ, ít nhất cho tới khi TVX tới.

Đại Đội D đã gom được một số quân, được hai trực thăng UH-1 từ Núi Đất tái tiếp tế. Vào khoảng 18:00giờ, pháo binh ngưng bắn, để trực thăng vào theo hướng dẫn bằng khói màu. Trực thăng không đáp, mà chỉ bay xuống gần mặt đất, đẩy những thùng đạn được gói trong mền cho BCH của Smith.

Chuyến tái tiếp tế đúng lúc. Ngay khi VC bắt đầu pháo kích và nã đạn lần nữa vào quân Úc, chúng cố xung phong bằng biển người, nhưng đã bị quân Úc chặn lại dù khó khăn. Buick và 11 người sống sót đã trở về vòng đai phòng thủ của đại đội. Khi trực thăng tiếp tế đến, họ đã chạy rút qua các hàng cây để bắt tay cùng đơn vị chính. Mặc dù tổn thất nặng, VC vẫn quyết tâm xóa sổ Đại Đội D, bằng cách đưa Tiểu Đoàn 445 đi vòng qua phía Tây để khoá gọn vòng vây. Trong khi chúng đang thực hiện kế hoạch này, thiết vận xa của Roberts đã vượt suối Đá Bàn và bất ngờ đụng độ chúng. Thoạt đầu, hai bên đều không có phản ứng. Sau đó, hỏa lực đại liên M-50 trên TVX đã nã đạn, nổ như trút vào đám quân du kích. Roberts vẫn tiếp tục cho di chuyển những TVX. Vài chiếc đã cán qua VC trên đường tiến. Mặc dù, một chiếc xe đã bị trúng đạn và viên chỉ huy đã bị thương nặng, những xe khác vẫn nổ súng đánh thông qua BCH của Smith. Họ đã đến vào 18:40 giờ. Những binh sĩ sống sót tả tơi của Đại Đội D đã bật lên nỗi vui mừng khi thấy lực lượng tiếp viện.

Đại Đội B/LD6 đã chạy bộ vào khu chiến sự để bắt tay với Đại Đội D. Dù chỉ có một bộ phận nhỏ tăng viện, VC cũng bị mất tinh thần, vì hỏa lực của chúng thưa dần. Townsend, nắm lấy quyền chỉ huy, tổ chức vòng đai phòng thủ, và ra lệnh cho binh sĩ của ông rút về trảng trống phía Tây, để những người chết hoặc bị thương được trực thăng bốc ra.

Trời lúc bây giờ đã tối. Mặc dù mưa đã ngừng, nhưng hoàn cảnh cũng còn rất xấu. Quân Úc đã phải trải qua một đêm căng thẳng. Họ nghe thấy tiếng của VC đang đi gom lại những binh sĩ bị thương của họ. Dù sao cuộc tấn công của địch cũng chấm dứt. Hoả lực yểm trợ từ Núi Đất đã mang lại kết quả tốt. Từ nơi đây, pháo binh đã bắn 2.639 loạt đạn từ đại bác 105 ly, 155 loạt từ 155mm cho Lữ Đoàn 6 HGU.

Sáng hôm sau, Townsend lệnh cho Đại Đội D đi đầu tái chiếm lại mặt trận. Họ đã tiến vào khu vực đã bị tàn phá không thể tin nổi,

- “Nhiều trăm xác chết nằm rải rác khắp nơi trên một diện tích chỉ lớn bằng có 2, 3 sân chơi dã cầu.” Họ đã tìm thấy và tải thương hai binh sĩ Úc bị thương. Nhưng tại điểm gặp gỡ đầu tiên, cảnh tượng thực sự tạo ra xúc động. Nơi đó là một vòng cung, với **hình ảnh những xác chết của binh sĩ Trung Đội 11, tay vẫn còn nắm chặt súng, “Làm như nằm bất động trong cuộc thực tập, chỉ cần sờ vào là họ sẽ sống lại.”**

Lực Lượng Đặc Nhiệm Úc [ATF] bị chết 17 người ở trận Long Tân. Nhưng thương vong của VC rất nặng: 245 xác đã được tìm thấy và chôn, và nhiều chứng cứ là một số VC bị thương, hoặc chết đã được mang đi. Trận đánh Long Tân là trận đầu tiên của lực lượng Úc ở Phước Tuy. Họ đã không bỏ phí nó, đã buộc Sư Đoàn 5 VC phải rút lại về núi Mây Tào và Úc dần dà đã mở rộng vòng kiểm soát ra toàn tỉnh.

Những cuộc đụng độ vẫn tiếp diễn. Thí dụ, 2 đại đội của LD5/HGU, với thiết giáp yểm trợ đã giết 43 VC trong trận đánh kéo dài 24 giờ tại Bình Ba, phía Bắc Núi Đất. Những chiến dịch, bằng những cuộc tuần tiểu “Tìm và Tiêu Diệt”, đầy hiệu quả; và “Tâm Lý Chiến” đã thu phục được lòng dân và đã thuyết phục họ ủng hộ cho chính quyền nhiều hơn cho CS.

Mặc dù sự thành công đã đạt được ở chừng mức nào đó, nhưng kết quả kéo dài không lâu. Khi quân đội Úc triệt thoái

khỏi VN vào cuối năm 1971, với tổng cộng thương vong là 423 chết, 2,398 bị thương, họ đã để lại một khoảng trống ở Phước Tuy mà quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã không thể thay thế được. Cũng chính vì vậy, VC đã trở lại các làng, xã đã không còn “Lính Đánh Thuê Ưc”, có thời đã làm VC sống trong sợ hãi./.



Cali Nỗi Nhớ

Sao Linh, K30/1

Niềm mơ ước từ lâu gập gờ
Đã trở thành hiện thực hôm nay
Cali một sáng mây bay
Nụ cười rạng rỡ vòng tay thân tình

*Xa nhau lắm tình trong gang tấc
Gặp nhau đây có phải là duyên
Tôi, em người ở hai miền
Gặp nhau trong Phố hàn huyên nỗi niềm*

Trời Cali hôm nay đẹp quá
Mừng đón em lữ khách đường xa
Nắng như hiểu thấu lòng ta
Chan hoà vạt nắng mượt mà reo vui

*Rồi cũng phải đến giờ từ biệt
Người đi về để lại vấn vương
Gửi em bên ấy niềm thương
Tôi ôm nỗi nhớ buồn phương trời này*